

Số: 1822 /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày 17 tháng 5 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính lĩnh vực nông thôn mới thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân các xã, tỉnh Thanh Hóa

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 74/TTr-SNN&PTNT ngày 09/5/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 02 thủ tục hành chính lĩnh vực Nông thôn mới thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND các xã, tỉnh Thanh Hóa.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố; UBND các xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2 QĐ;
- Cục KSTTHC-VPCP (bản điện tử);
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Lưu: VT, KSTTHCNC.

KT CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Thị Thìn

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT
CỦA UBND CÁC XÃ, TỈNH THANH HÓA**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 7822/QĐ-UBND ngày 17 tháng 5 năm 2018
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)*

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND các xã

STT	Tên thủ tục hành chính
Lĩnh vực Nông thôn mới	
1	Đăng ký thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới (Mã TTHC: THA-289660)
2	Xét, công nhận thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới (Mã TTHC: THA-289661)

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CÁC XÃ TỈNH THANH HÓA

I. Lĩnh vực: Nông thôn mới

I. Tên thủ tục: Đăng ký thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới (Mã TTHC: THA-289660)

1.1. Trình tự thực hiện:

*** Trình tự thực hiện:**

- Trước ngày 01/12 của năm liền kề trước năm đánh giá, Ban phát triển thôn, bản có văn bản đăng ký phần đầu đạt chuẩn nông thôn mới (sau đây cụm từ “nông thôn mới” được viết tắt là NTM) báo cáo UBND xã.

- UBND xã kiểm tra và có văn bản đề nghị UBND cấp huyện đưa vào kế hoạch thực hiện đối với thôn, bản đạt từ 10 tiêu chí trở lên và có đủ điều kiện phần đầu đạt chuẩn trong năm đăng ký.

- UBND huyện có văn bản trả lời UBND xã, Ban phát triển thôn, bản về kết quả đưa vào kế hoạch thực hiện thôn, bản đạt chuẩn NTM (nêu rõ lý do đối với thôn, bản chưa được đưa vào kế hoạch).

*** Địa điểm tiếp nhận hồ sơ và địa điểm trả kết quả:**

- Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả UBND xã

*** Thời gian thực hiện TTHC:** Trong giờ hành chính các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (Trừ ngày Lễ, Tết theo quy định)

1.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

*** Thành phần hồ sơ:**

- Văn bản đăng ký thôn, bản phần đầu đạt chuẩn NTM gửi UBND xã (*Theo mẫu số 01 Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 2392/2017/QĐ-UBND ngày 06/7/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa*).

- Phương án (đề án) xây dựng thôn, bản đạt chuẩn NTM.

*** Số lượng hồ sơ:** 01 bộ

1.4. Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục chính: Tổ chức

1.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

- Cơ quan có thẩm quyền Quyết định: Chủ tịch UBND cấp huyện
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: UBND xã.
- Cơ quan phối hợp: Các phòng, ban có liên quan

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản trả lời của UBND cấp huyện về kết quả đưa vào kế hoạch thực hiện thôn, bản đạt chuẩn NTM

1.8. Lệ phí: Không

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu số 01 (*Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 2392/2017/QĐ-UBND ngày 06/7/2017 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục hồ sơ xét, công nhận và công bố "Thôn, bản đạt chuẩn NTM" trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2017-2020*).

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

1.11. Căn cứ pháp lý:

- Quyết định số 1415/2017/QĐ-UBND ngày 03/5/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc Ban hành Bộ tiêu chí xã NTM tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2017-2020.

- Quyết định số 2392/2017/QĐ-UBND ngày 06/7/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc ban hành Quy định tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục hồ sơ xét, công nhận và công bố "Thôn, bản đạt chuẩn NTM" trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2017-2020.

Mẫu số 01

(Ban hành Kèm theo Quyết định số 2392/2017/QĐ-UBND ngày 6/7/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

ỦY BAN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
XÃ Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THÔN.....

V/v đăng ký “Thôn đạt , ngày tháng năm 20....
chuẩn nông thôn mới” năm
.....

Kính gửi: UBND xã

Căn cứ Quyết định số .../2017/QĐ-UBND ngày .../.../2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa ban hành Quy định về tiêu chí, trình tự thủ tục, hồ sơ xét, công nhận và công bố thôn, bản đạt chuẩn NTM trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2017-2020;

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của UBND huyện);

Tính đến tháng năm ..., thôn đã có:

.../14 tiêu chí nông thôn mới đạt chuẩn theo quy định, gồm:

- Tiêu chí số về.....

- Tiêu chí số về.....

.....

.../14 tiêu chí đã đạt từ ... % đến%, gồm:

- Tiêu chí số về....., đạt% (nội dung chưa đạt:....., dự kiến thời gian hoàn thành.....).

- Tiêu chí số về....., đạt% (nội dung chưa đạt:....., dự kiến thời gian hoàn thành.....).

.....

Trên cơ sở khối lượng, tiến độ và khả năng thực hiện hoàn thành các tiêu chí NTM trên địa bàn thôn, Ban Phát triển thôn đăng ký và cam kết thôn sẽ thực hiện hoàn thành các tiêu chí NTM theo quy định trong năm.... để được công nhận “Thôn đạt chuẩn NTM” năm

Kính đề nghị Ủy ban nhân dân xãxem xét, báo cáo UBND huyện
....đưa vào kế hoạch chỉ đạo thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên:

-

-

**TM. BAN PHÁT TRIỂN THÔN
TRƯỞNG BAN**

(Ký tên, ghi rõ họ tên)

2. Tên thủ tục: Xét, công nhận thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới (Mã TTHC: THA-289661)

2.1. Trình tự thực hiện

*** Trình tự thực hiện:**

- Ban phát triển thôn, bản tổ chức tự đánh giá kết quả thực hiện các tiêu chí thôn, bản nông thôn mới (sau đây cụm từ “nông thôn mới” được viết tắt là NTM) và gửi hồ sơ đề nghị UBND xã thẩm tra các tiêu chí thôn, bản NTM.

- UBND xã:

+ Tổ chức thẩm tra: UBND xã thành lập Tổ thẩm tra (gồm lãnh đạo Ban chỉ đạo xã, cán bộ phụ trách NTM, cán bộ phụ trách các lĩnh vực liên quan đến nội dung các tiêu chí và đại diện các tổ chức chính trị- xã hội của xã) để thẩm tra hồ sơ và thực tế mức độ đạt từng tiêu chí thôn, bản NTM; các thành viên theo lĩnh vực phụ trách có văn bản báo cáo kết quả thẩm tra gửi về bộ phận tổng hợp (là cán bộ phụ trách NTM) để tổng hợp, báo cáo Ban chỉ đạo, UBND xã.

+ Tổ chức lấy ý kiến: UBND xã tổng hợp danh sách thôn, bản đủ điều kiện đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn NTM, công bố trên hệ thống truyền thanh trong thời gian 10 ngày để lấy ý kiến của nhân dân trong xã.

+ Hoàn thiện hồ sơ: Ban chỉ đạo xã tổ chức họp (gồm các thành viên Ban chỉ đạo xã và Tổ thẩm tra tiêu chí thôn, bản NTM) để lấy ý kiến thống nhất danh sách thôn, bản được đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn NTM; UBND xã hoàn thiện hồ sơ đề nghị xét, công nhận thôn, bản đạt chuẩn NTM khi số phiếu thống nhất tại cuộc họp đạt tỷ lệ 90% trở lên trình UBND cấp huyện.

- UBND cấp huyện tổ chức thẩm định, Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định công nhận thôn, bản đạt chuẩn NTM.

*** Địa điểm tiếp nhận hồ sơ và địa điểm trả kết quả:**

- Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả UBND xã

*** Thời gian trả kết quả:**

- Trong giờ hành chính các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (Trừ ngày Lễ, Tết theo quy định)

2.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện

2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

*** Thành phần hồ sơ:**

- Văn bản đề nghị thẩm tra các tiêu chí thôn, bản đạt chuẩn NTM (Theo mẫu số 03 Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 2392/2017/QĐ-UBND ngày 06/7/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa).

- Báo cáo kết quả thực hiện xây dựng NTM trên địa bàn thôn, bản (Theo mẫu số 06 Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 2392/2017/QĐ-UBND ngày 06/7/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa).

- Biên bản họp thôn (Theo mẫu số 09 Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 2392/2017/QĐ-UBND ngày 06/7/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa).

- Quyết định phê duyệt của UBND xã kèm theo thuyết minh phương án (dề án) xây dựng thôn, bản NTM (bản sao).

- Các văn bản chứng minh đánh giá đạt của các tiêu chí thôn, bản NTM (có xác nhận của trưởng thôn).

*** Số lượng hồ sơ: 01 bộ**

2.4. Thời hạn giải quyết: Không quy định thời gian

2.5. Đối tượng thực hiện thủ tục chính: Tổ chức

2.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

- Cơ quan có thẩm quyền Quyết định: Chủ tịch UBND cấp huyện

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: UBND xã

- Cơ quan phối hợp: Các phòng, ban có liên quan

2.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định của Chủ tịch UBND huyện công nhận thôn, bản đạt chuẩn NTM.

2.8. Lệ phí: Không

2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu số 03, 06, 09 (Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 2392/2017/QĐ-UBND ngày 06/7/2017 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục hồ sơ xét, công nhận và công bố "Thôn, bản đạt chuẩn NTM" trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2017-2020).

2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Thôn, bản đạt chuẩn NTM phải đảm bảo các điều kiện:

- Có đăng ký thôn, bản đạt chuẩn NTM, được UBND xã, UBND cấp huyện đưa vào kế hoạch thực hiện;
- Có 100% tiêu chí thực hiện trên địa bàn thôn, bản đạt chuẩn theo quy định.

2.11. Căn cứ pháp lý:

- Quyết định số 1415/2017/QĐ-UBND ngày 03/5/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc Ban hành Bộ tiêu chí xã NTM tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2017-2020.

- Quyết định số 2392/2017/QĐ-UBND ngày 06/7/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc ban hành Quy định tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục hồ sơ xét, công nhận và công bố "Thôn, bản đạt chuẩn NTM" trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2017-2020.

Mẫu số 03

(Ban hành Kèm theo Quyết định số 2392/2017/QĐ-UBND ngày 6/7/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

XÃ

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔN.....

V/v đề nghị thẩm tra các tiêu
chí thôn NTM

....., ngày tháng năm 20....

Kính gửi: UBND xã.....

Căn cứ Quyết định số .../2017/QĐ-UBND ngày .../.../2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa ban hành Quy định về tiêu chí, trình tự thủ tục, hồ sơ xét, công nhận và công bố thôn, bản đạt chuẩn NTM trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2017-2020;

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của UBND huyện);

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của UBND xã);

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-UBND ngày ... của UBND xã ... về phê duyệt Đề án (Phương án) xây dựng NTM thônvà Báo cáo kết quả thực hiện xây dựng NTM ngày ... của thôn....

Căn cứ kết quả tự đánh giá thực tế mức độ đạt chuẩn của các tiêu chí NTM trên địa bàn thôn...

Căn cứ Biên bản họp thôn ngày/...../20..... của thôn... và kết quả lấy phiếu xét đánh giá sự hài lòng của người dân trên địa bàn thôn đối với việc đề nghị xét, công nhận thôn đạt chuẩn NTM năm ...,

Ban Phát triển thôn đề nghị UBND xã thẩm tra kết quả xây dựng NTM trên địa bàn thôn ... để làm căn cứ thực hiện hồ sơ đề nghị UBND huyệnxét, công nhận thônđạt chuẩn NTM năm

Hồ sơ gửi kèm văn bản, gồm:

- Văn bản đề nghị UBND xã thẩm tra các tiêu chí thôn, bản NTM.
- Báo cáo kết quả thực hiện xây dựng NTM trên địa bàn thôn, bản.

- Biên bản họp thôn.

- Quyết định phê duyệt của UBND xã kèm thuyết minh phương án (dề án) xây dựng thôn NTM.

- Các văn bản chứng minh đánh giá đạt của tiêu chí thôn NTM.

Kính đề nghị UBND xã xem xét, thẩm tra./.

Nơi nhận:

- Như trên;

-

-

**TM. BAN PHÁT TRIỂN THÔN
TRƯỞNG BAN**

(Ký tên, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 06

(Ban hành Kèm theo Quyết định số 2392/2017/QĐ-UBND ngày 6/7/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

XÃ

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔN.....

....., ngày tháng năm 20....

BÁO CÁO

Kết quả xây dựng nông thôn mới năm
của thôn.....

I. Đặc điểm tình hình chung

1. Nêu tóm tắt về Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của thôn
2. Thuận lợi
3. Khó khăn

II. Căn cứ triển khai thực hiện

Căn cứ các văn bản chỉ đạo có liên quan của tỉnh, huyện, xã.

III. Kết quả chỉ đạo thực hiện xây dựng nông thôn mới

1. Về công tác tổ chức, triển khai

2. Về công tác thông tin, tuyên truyền và tham gia tập huấn

3. Về Phát triển kinh tế - xã hội

- a) Phát triển sản xuất nông nghiệp.
- b) Phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ, ngành nghề nông thôn.
- c) Xây dựng cơ sở hạ tầng.

4. Kết quả huy động nguồn lực xây dựng nông thôn mới

Tổng kinh phí đã thực hiện: triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách cấp trên hỗ trợ: triệu đồng, chiếm%;
- Nhân dân đóng góp triệu đồng, chiếm %.

IV. Kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới

Tổng số tiêu chí xã tổ chức tự đánh giá đạt chuẩn nông thôn mới theo quy định là/ (tổng số) tiêu chí, đạt %, cụ thể

1. Tiêu chí số về

a) Yêu cầu của tiêu chí:

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:.....

- Các nội dung đã thực hiện:.....

- Khối lượng thực hiện:

- Kinh phí đã thực hiện (nếu có): triệu đồng.

c) Tự đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí (trên cơ sở kết quả thực hiện so với yêu cầu của tiêu chí).

2. Tiêu chí số về

a) Yêu cầu của tiêu chí:

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:.....

- Các nội dung đã thực hiện:.....

- Khối lượng thực hiện:

- Kinh phí đã thực hiện (nếu có): triệu đồng.

c) Tự đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí (trên cơ sở kết quả thực hiện so với yêu cầu của tiêu chí).

n. Tiêu chí số về

V. Đánh giá chung

1. Những mặt đã làm được

2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

3. Bài học kinh nghiệm

VI. Kế hoạch duy trì, nâng cao chất lượng các tiêu chí nông thôn mới

1. Quan điểm

2. Mục tiêu

3. Nội dung duy trì, nâng cao chất lượng các tiêu chí nông thôn mới

VII. Kiến nghị, đề xuất

Nơi nhận:

- Như trên;
-
-

**TM. BAN PHÁT TRIỂN THÔN
TRƯỞNG BAN**

(Ký tên, ghi rõ họ tên)

**BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN
CÁC TIÊU CHÍ NÔNG THÔN MỚI**

Thôn, xã, huyện

(Kèm theo Báo cáo kết quả xây dựng nông thôn mới năm thôn)

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu theo Vùng		Kết quả thực hiện đến	Kết quả tự đánh giá
			Vùng 1	Vùng 2		
1	Lao động có việc làm	Tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động.	≥ 93%	≥ 93%		
2	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người của thôn, bản (triệu đồng/người).	Năm 2017: 26 Năm 2018: 30 Năm 2019: 33 Năm 2020: 36	Năm 2017: 29 Năm 2018: 34 Năm 2019: 40 Năm 2020: 46		
3	Hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều.	< 7%	< 5%		
4	Nhà ở dân cư và vườn hộ	4.1. Trên địa bàn thôn, bản không còn hộ gia đình ở trong nhà tạm, dột nát.	Đạt	Đạt		
		4.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn của Bộ xây dựng.	≥ 80%	≥ 100%		
		4.3. Đồ đạc căn hộ mỗi gia đình được sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp, khoa học.	Đạt	Đạt		
		4.4. Vườn hộ mỗi gia đình (nếu có) được thiết kế gọn gàng, khoa học đảm bảo vệ sinh môi trường.	Đạt	Đạt		
5	Giao thông	5.1. Đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa, chiều rộng nền đường tối thiểu 4,0m, chiều rộng mặt đường tối thiểu 3,0m (trường hợp bất khả kháng nền đường tối thiểu 3,0m, mặt đường tối thiểu 2,0m) và có rãnh tiêu thoát nước mặt đường, rãnh dọc tiêu thoát nước sinh hoạt khu dân cư có nắp đậy.	100% (≥50% bê tông hóa)	100% (≥70% bê tông hóa)		

		5.2. Đường trục chính nội đồng (nếu có) đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm, chiều rộng nền đường tối thiểu 4,0m, chiều rộng mặt đường tối thiểu 3,0m.	100% (≥50% cứng hóa)	100% (≥60% cứng hóa)		
6	Giáo dục và Đào tạo	6.1. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 2, phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 2 và đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2 trở lên.	Đạt	Đạt		
		6.2. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học phổ thông, bỏ túc trung học phổ thông và học nghề.	≥ 85%	≥ 95%		
		6.3. Có phong trào khuyến học, khuyến tài, học tập suốt đời, xây dựng xã hội học tập tốt được công nhận là “Cộng đồng học tập” do UBND xã ký Quyết định công nhận và được Hội Khuyến học cấp huyện tặng giấy khen.	Đạt	Đạt		
		6.4. Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo.	>40%	>70%		
7	Y tế	7.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế.	≥ 90%	≥ 85%		
		7.2. Có nhân viên y tế thôn, bản được đào tạo theo Chương trình do Bộ Y tế quy định.	Đạt	Đạt		
		7.3. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi).	≤ 26,7%	≤ 24,2%		
		7.4. Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên hàng năm.	< 0,65%	< 0,65%		
		7.5. Tỷ lệ phụ nữ sinh con thứ 3 trở lên	< 15%	< 10%		
		7.6. Có triển khai hoặc phối hợp, tham gia triển khai các biện pháp nhằm giảm mất cân bằng giới tính khi sinh.	Đạt	Đạt		

8	Văn hóa	8.1. Có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, khu thể thao phục vụ cộng đồng đạt chuẩn theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	Đạt	Đạt		
		8.2. Hàng rào của Nhà văn hoá, khu thể thao thôn bằng cây xanh hoặc hàng rào khác được phủ cây xanh (riêng năm 2017, khuyến khích các thôn, bản thực hiện nội dung này).	Năm 2018 \geq 50%; Năm 2019 \geq 60%; Năm 2020 \geq 80%	Năm 2018 \geq 40%; Năm 2019 \geq 50%; Năm 2020 \geq 70%		
		8.3. Được công nhận và giữ vững danh hiệu “Thôn/bản văn hóa” theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	Đạt	Đạt		
9	Môi trường và an toàn thực phẩm	9.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch theo quy định.	90% (\geq 50% nước sạch)	98% (\geq 60% nước sạch)		
		9.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, dịch vụ, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường.	100%	100%		
		9.3. Đường làng, ngõ xóm, cảnh quan từng hộ xanh - sạch - đẹp, không có hoạt động làm suy giảm môi trường.	Đạt	Đạt		
		9.4. Mai táng phù hợp với quy định tại Nghị định số 23/2016/NĐ-CP ngày 05/4/2016 của Chính phủ về xây dựng, quản lý, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng và đảm bảo vệ sinh môi trường theo quy định của Bộ Y tế; Việc mai táng được thực hiện tại vị trí xác định theo quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt.	Đạt	Đạt		
		9.5. Chất thải rắn sản xuất và sinh hoạt trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất - kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định về bảo vệ môi trường.	Đạt	Đạt		

		9.6. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch theo quy định.	≥ 80%	≥ 90%		
		9.7. Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường.	≥ 60%	≥ 70%		
		9.8. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm.	100%	100%		
10	Thủy lợi	Hệ thống thủy lợi liên quan đến thôn, bản cơ bản đáp ứng yêu cầu sản xuất, dân sinh và theo quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ.	Đạt	Đạt		
11	Điện	Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn theo quy định của Bộ Công Thương.	≥ 98%	≥ 100%		
12	Thông tin và truyền thông	12.1. Có dịch vụ viễn thông, internet theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông.	Đạt	Đạt		
		12.2. Có hệ thống loa kết nối với Đài truyền thanh xã đang sử dụng tốt.	Đạt	Đạt		
13	Hệ thống chính trị	13.1. Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định	Đạt	Đạt		
		13.2. Chi bộ đạt danh hiệu "trong sạch, vững mạnh".	Đạt	Đạt		
		13.3. Các tổ chức đoàn thể đều đạt loại khá trở lên.	Đạt	Đạt		
		13.4. 100% người dân thực hiện hương ước, quy ước của cộng đồng, có tinh thần đoàn kết, tương trợ giúp đỡ lẫn nhau trong cộng đồng.	Đạt	Đạt		
		13.5. Chi bộ Đảng có Nghị quyết chuyên đề về xây dựng thôn, bản NTM.	Đạt	Đạt		

		13.6. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội.	Đạt	Đạt		
14	Quốc phòng và An ninh	14.1. Đảm bảo chỉ tiêu xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng.	Đạt	Đạt		
		14.2. Không có tổ chức, cá nhân hoạt động chống Đảng, chính quyền, phá hoại kinh tế, truyền đạo trái pháp luật, khiêu khích đông người vượt cấp kéo dài.	Đạt	Đạt		
		14.3. Không có tụ điểm phức tạp về trật tự xã hội và không phát sinh thêm người mắc các tệ nạn xã hội trên địa bàn; không để xảy ra trọng án.	Đạt	Đạt		
		14.4. Được công nhận đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự” theo quy định tại Thông tư số 23/2012/TT-BCA ngày 27/4/2012 của Bộ Công an.	Đạt	Đạt		

Mẫu số 09

(Ban hành Kèm theo Quyết định số 2392/2017/QĐ-UBND ngày 6/7/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(Tên thôn), ngày ... tháng ... năm 20...

BIÊN BẢN

HỘI NGHỊ DÂN CƯ THÔN

Hôm nay, ngày ... tháng ... năm ... tại thôn ... xã ... Ban công tác mặt trận thôn tổ chức hội nghị dân cư để lấy ý kiến thống nhất về việc đề nghị xét, công nhận thôn.... đạt chuẩn NTM năm..

- Chủ trì Hội nghị: *(Trưởng Ban công tác mặt trận thôn ghi rõ họ, tên, chức danh):*

- Thư ký Hội nghị: *(ghi rõ họ, tên, chức danh)*

- Thành phần tham gia:

1. Thành phần tham gia ý kiến: *(Đại diện các hộ gia đình trong thôn).*

2. Tổng số hộ gia đình trong thôn:hộ

3. Tổng số hộ có đại diện tham dự Hội nghị: ...hộ, chiếm..% số hộ trong thôn.

- Nội dung Hội nghị:

1. Ông (bà).....*(Trưởng Ban công tác mặt trận thôn)* thông qua Báo cáo kết quả xây dựng NTM thôn

2. Ý kiến tham gia vào Báo cáo kết quả xây dựng NTM của đại diện các hộ gia đình trong thôn.

+

3. Ban công tác mặt trận thôn thực hiện các thủ tục lấy ý kiến thống nhất của đại diện các hộ gia đình trong thôn về việc đề nghị xét, công nhận thôn ... đạt chuẩn NTM năm *(bằng hình thức biểu quyết hoặc lấy phiếu, nếu thực hiện theo hình thức lấy phiếu phải ghi rõ thành phần và hoạt động của tổ kiểm phiếu).*

Kết quả lấy ý kiến:

+ Ý kiến thống nhất: người (*phiếu*), chiếm%.

+ Ý kiến không thống nhất:người (*phiếu*), chiếm%.

4. Các ý kiến tham gia khác của đại diện các hộ dân: (*mời các đại biểu có ý kiến không thống nhất nêu lý do không thống nhất*).

5. Thư ký hoàn thiện và thông qua Biên bản tại Hội nghị.

Hội nghị kết thúc hồi.....giờ.....phút cùng ngày. Các đại biểu tham dự đã thống nhất nội dung biên bản và lập thành 02 bản có giá trị như nhau, 01 bản lưu tại thôn, 01 bản gửi kèm hồ sơ đề nghị xét, công nhận thôn... đạt chuẩn NTM năm

....., ngày.....tháng.....năm.....

Thư ký
(*Ký, ghi rõ họ tên*)

Chủ trì
(*ký, ghi rõ họ tên*)